TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoằng

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1970; Địa chỉ: 165 P H, xã T S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: 960A P V Đ, phường Y T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2022). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N Ý, sinh năm 1987 và ông Phan Thanh Đ, sinh năm 1987; Cùng trú tại địa chỉ: 734/21/106 T C, Tổ 01, phường C L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị T do người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị L trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà Phan Thị T có cho bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ vay tiền cụ thể ngày 05/02/2019 cho vay số tiền 40.000.000 đồng, ngày 05-02-2020 cho vay số tiền 320.000.000 đồng, tổng cộng các lần vay bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 360.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay theo thỏa thuận trong giấy vay tiền, sau khi cho vay tiền thì bà T đã nhiều lần đòi tiền ông Đ và bà Ý khi đến thời hạn vay, tuy nhiên ông Đ và bà Ý không trả tiền gốc và lãi cho bà T.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc trong giấy vay ngày 05/02/2020, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 260.000.000 đồng tiền gốc và tiền nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày viết giấy vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với ý kiến của bị đơn số tiền 40.000.000 đồng bị đơn viết giấy vay cho nguyên đơn vào ngày 05/02/2019 là số tiền bị đơn đã viết giấy vay cho nguyên đơn vào ngày 05/02/2020. Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn vì giấy vay ngày 05/02/2019 bị đơn viết giấy vay cho nguyên đơn là khoản tiền mượn khi đó bị đơn nói là mượn tiền để đi mua mỹ phẩm ở Thái Lan, không phải chung trong khoản vay ngày 05/02/2020.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ trả cho nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng tiền gốc, buộc bà Nguyễn Thị N Ý trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền này với mức 0,83%/tháng của từng khoản vay cho đến nay. Việc bị đơn trình bày lãi suất là 6%/tháng là không có căn cứ nguyên đơn không đồng ý, ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ trình bày:

Bị đơn thừa nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 220.000.000 đồng, còn số tiền 40.000.000 đồng bị đơn viết giấy vay cho nguyên đơn vào ngày 05/02/2019 là số tiền bị đơn đã viết giấy vay cho nguyên đơn vào ngày 05/02/2020, lãi suất hai bên thỏa thuận là 6%/tháng, bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn nhưng thời gian lâu bị đơn không nhớ và trả lãi cho khoản vay trước thời điểm viết giấy vay ngày 05/02/2019 và ngày 05/02/2020.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 260.000.000 đồng tiền gốc và tiền nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày viết giấy vay cho đến khi giải quyết xong vụ án, bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 220.000.000 đồng nợ gốc và sẽ trả dần cho nguyên đơn khi nào bị đơn có sẽ trả, đối với yêu cầu tính lãi bị đơn không đồng ý trả lãi vì hiện nay bị đơn không có khả năng.

Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận chữ ký chữ viết trong các giấy vay tiền là của bị đơn, tuy nhiên bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng nợ gốc và trả dần khi nào có sẽ trả vì lý do như bà đã trình bày trên và bị đơn xin không tính lãi của số tiền này vì hiện nay bị đơn không có khả năng.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị N Ý đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định, bị đơn ông Phan Thanh Đ thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ.

Đơn khởi kiện của bà Phan Thị T được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ có viết giấy vay của bà Phan Thị T nhiều lần tiền, cụ thể: Ngày 05/02/2019 vay số tiền 40.000.000 đồng; Ngày 05/02/2020 vay số tiền 320.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%//tháng, thời hạn vay theo thỏa thuận. Tổng cộng các lần vay bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 360.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trả cho nguyên đơn được số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc trong giấy vay ngày 05/02/2020. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ trả số tiền 260.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi của số tiền này với mức 0,83%/tháng của từng khoản vay cho đến nay. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ trả cho bà số tiền 220.000.000 đồng nợ gốc, buộc bà Nguyễn Thị N Ý trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi của số tiền này với mức 0,83%/tháng của từng khoản vay cho đến nay. Xét yêu cầu thay đổi một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các giấy vay tiền do bà T cung cấp là của bị đơn tuy nhiên bị đơn chỉ công nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng, còn số tiền 40.000.000 đồng bị đơn viết giấy vay cho nguyên đơn vào ngày 05/02/2019 là số tiền bị đơn đã viết giấy vay cho nguyên đơn vào ngày 05/02/2020, tuy nhiên ngoài lời khai bị đơn lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh là khoản tiền 40.000.000 đồng trong giấy vay ngày 05/02/2019 là khoản tiền trong giấy vay ngày

05/02/2020. Mặc khác nguyên đơn không thừa nhận, do đó không có cơ sở để xác định khoản tiền 40.000.000 đồng trong giấy vay ngày 05/02/2019 là khoản tiền trong giấy vay ngày 05/02/2020.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà Ý trả cho nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng nợ gốc, buộc bà Ý trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc. Tại giấy vay tiền 05/02/2019 không có chữ ký của bị đơn là ông Đ và tại phiên tòa ông Đ cũng không thừa nhận khoản vay này là khoản vay của vợ chồng. Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng, buộc bà Nguyễn Thị N Ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần số tiền nợ và yêu cầu của bị đơn không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về nợ lãi*:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 6%tháng và đã trả lãi cho nguyên đơn số tiền bao nhiêu vì thời gian đã lâu bị đơn không nhớ, nguyên đơn không thừa nhận lãi suất hai bên thỏa thuận như bị đơn khai, chỉ thừa nhận lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng và bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc đã trả lãi cho nguyên đơn và lãi suất 6%/ tháng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền nợ lãi phát sinh từ nợ gốc theo mức lãi suất 0,83%/tháng của từng khoản vay cho đến nay

Xét tại giấy vay tiền ngày 05/02/2019 thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng và tại Giấy mượn tiền ngày 05/02/2020 không thể hiện về lãi suất tuy nhiên các bên đều thừa nhận khoản vay có lãi, như vậy các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về nợ lãi là phù hợp với quy định pháp luật đã viện dẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền nợ gốc để tính lãi là 40.000.000 đồng; thời gian tính lãi từ ngày vay 05/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3 năm 3 tháng 26 ngày; mức lãi suất áp dụng mức là 0,83%/tháng (10%/năm); Tiền nợ lãi được tính là: 40.000.000 đồng x 10%/năm x 3 năm 3 tháng 26 ngày = 13.235.733 đồng

Tiền nợ gốc để tính lãi là 220.000.000 đồng; thời gian tính lãi từ ngày vay 05/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2 năm 3 tháng 26 ngày; mức lãi suất áp dụng mức là 0,83%/tháng (10%/năm); Tiền nợ lãi được tính là: 220.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 3 tháng 26 ngày = 50.884.533 đồng

Số tiền gốc và lãi mà bà Nguyễn Thị N Ý phải trả cho nguyên đơn là 40.000.000 đồng + 13.235.733 đồng = 53.235.733 đồng.

Số tiền gốc và lãi mà bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ phải trả cho nguyên đơn là 220.000.000 đồng + 50.884.533 đồng = 270.884.533 đồng.

[5] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, 35, 39,70,72, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 186, Điều 195, Điều 217, Điều 227, Điều 232, Điều 234, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 463, 465, 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ phải trả cho bà Phan Thị T số tiền 270.884.533 đồng, trong đó 220.000.000 đồng nợ gốc và 50.884.533 đồng nợ lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị N Ý phải trả cho bà Phan Thị T số tiền 53.235.733 đồng, trong đó 40.000.000 đồng nợ gốc và 13.235.733 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị N Ý và ông Phan Thanh Đ phải chịu 13.544.226 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị N Ý phải chịu 2.661.786 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị T số tiền 11.092.800 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001443 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm